*Tuần 17*

*Ngày soạn: 23/12/2022*

*Ngày dạy: 26/12/2022*

**Tiết 35 ÔN TẬP HỌC KÌ I**

 **(1 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**: Thông qua bài học, HS nắm được

-Lịch sử là gì? Thời gian trong lịch sử

-Nguồn gốc loài người

-Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp

-Xã hội cổ đại

-Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc

-Đời sống của người Việt thời kì Văn Lang, Âu Lạc

**2. Năng lực** :

- Năng lực chung : Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán.

- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện sự kiện, sử dụng hình vẽ, tranh ảnh, mô hình, video clip, so sánh, nhận xét,đánh giá …

**3. Phẩm chất:**

-Giáo dục lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- SGK, SGV Lịch sử 6

- Chuẩn kiến thức kĩ năng môn Lịch sử THCS.

- Phiếu học tập, bảng phụ

- Lược đồ thế giới cổ đại, các tranh ảnh công trình nghệ thuật, đồ phục chế.

- Tài liệu liên quan đến bài giảng

**2. Chuẩn bị của** **HS**: Sách giáo khoa, vở ghi bài, dụng cụ học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động khởi động**

- Nhằm hệ thống hóa kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 15, giúp các em hệ thống, củng cố kiến thưc và rèn kĩ năng làm bài qua việc vận dụng kiến thức để giải bài tập

**2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**

**2.1 I.Tại sao cần học lịch sử**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS hệ thống lại các nguồn sử liệu, hiểu được âm lịch là cách tính thời gian theo chu kì Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất; dương lịch là cách tính thời gian theo chu kì Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời. Vận dụng kiến thức để tính niên đại.

 **b, Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **NỘI DUNG** |
|  **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**GV giới thiệu kiến thức: Để biết và tìm hiểu lịch sử thường căn cứ vào các nguồn sử liệu- GV yêu cầu HS trả lơi câu hỏi:+Kể tên các nguồn tư liệu?+Nguồn tư liệu nào đáng tin cậy nhất? Người xưa tính thời gian bắt đầu từ sự phân biệt sáng - tối (ngày-đêm) trên cơ sở quan sát, tính toán quy luật di chuyển của Mặt Trăng, Mặt Trời từ Trái Đất và sáng tạo ra lịch. - GV yêu cầu HS trả lơi câu hỏi:+ Âm lịch là gì?+ Dương lịch là gì?**+ Vì sao trên thế giới cần một thứ lịch chung?** -Trên thế giới cần một thứ lịch chung do xã hội loài người ngày càng phát triển, sự giao lưu giữa các nước, các dân tộc ngày càng được mở rộng, cần có nhu cầu thống nhất về cách tính thời gian.*GV yêu cầu HS quan sát Sơ đồ 2.4 SGK trang 16 và trả lời câu hỏi*: **Em hãy giải thích các khái niệm trước Công nguyên, Công nguyên, thập kỉ, thể kí, tiên niên kỉ.** C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_38.png **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV gọi HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **I. Lịch sử là gì?Thời gian trong lịch sử:** **1.** Khám phá quá khứ từ các nguồn sử liệu2.Âm lịch, dương lịch3. Cách tính thời gian  |

**2.2 II. Thời kì nguyên thủy:**

**a.Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS hiểu được quá trình tiến hóa từ vượn thành người trải qua 3 giai đoạn: vượn người, người tối cổ, người tinh khôn.

-Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp

**b, Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS**  | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**GV chiếu hình sự tiến hóa của loài người-> Y/c HS quan sát: Con gười có nguồn gốc từ đâu?GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS quan sát Hình 3.1, 3.2, 3.3 thảo luận và trả lời câu hỏi vào Phiếu học tập- GV phát phiếu học tập cho HS thảo luận trong vòng 5 phút → GV mời bất kì HS nào lên trình bày vào bảng GV đã chuẩn bị.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Vượn người** | **Người tối cổ** | **Người tinh khôn** |
| Thời gian xuất hiện |  |  |  |
| Địa điểm tìm thấy hóa thạch sớm nhất |  |  |  |
| Đặc điểm não, hình dạng bên ngoài |  |  |  |
| Đặc điểm vận động |  |  |  |
| Công cụ lao động |  |  |  |
| Đời sống vật chất |  |  |  |
| Tổ chức xã hội |  |  |

GV yêu cầu HS đọc quan sát Hình 3.5và trả lời câu hỏi: -Kể tên những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á?GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ 4.1-Nêu các giai đoạn iến triển của xã hội nguyên thủy?GV yêu cầu HS đọc thông tin sgk/28-Nguyên nhân dẫn đến sự phân hóa xã hội thành “ người giàu” và “ người nghèo”**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV gọi HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** | **II. Thời kì nguyên thủy**1.Qúa trình tiến hóa từ vượn người thành người2. Dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á3. Các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy4. Sự chuyển biến trong xã hội nguyên thủy |

**2.3 III.Xã hội cổ đại**

**a.Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nắm được quá trình ra đời, thành tựu các quốc gia cổ đại

**b, Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**GV chiếu hình các quốc gia cổ đại-> Yc HS quan sát: Nêu tên các quốc gia cổ đại - GV yêu cầu HS vận dụng lại kiến thức cũ, chia HS thành thành 4 nhóm và thảo luận nội dung:- GV phát phiếu học tập cho HS thảo luận trong vòng 5 phút → GV mời bất kì HS nào lên trình bày vào bảng GV đã chuẩn bị.- GV mời HS khác nhận xét → GV nhận xét và cho điểm.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Các quốc gia cổ đại****Phương Đông** | **Các quốc gia cổ đại phương tây** |
| Tên quốc gia cổ đại |  |  |
| Thời gian ra đời |  |  |
| Địa điểm |  |  |
| Nên kinh tế chính |  |  |
| Tầng lớp xã hội |  |  |
| Nhà nước |  |  |
| Thành tựu |  |  |

- GV mời HS khác nhận xét → GV nhận xét và cho điểm.***Em hãy thử đánh giá các thành tựu VH lớn thời cổ đại?***HS: Di sản văn hoá cổ đại phong phú, đa dạng và có giá trị thực tiễn.- Đặt nền móng cho nhiều ngành khoa học sau này- Đó là tài sản văn hoá vô giá và nói lên khả năng vĩ đại của con người..**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV gọi HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **III.Xã hội cổ đại** 1**.**Sự ra đời của các quốc gia cổ đại**2.**Những thành tựu văn hóa tiêu biểu |

**2.4. IV. Nhà nước Văn Lang Âu Lạc. Đời sống của người Việt thời kì Văn Lang, Âu Lạc**

**a.Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nắm được sự ra đời, tổ chức nhà nước Văn Lang, Âu Lạc. Đời sống của người Việt thời kì Văn Lang, Âu Lạc

**b, Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**- GV phát phiếu học tập cho HS thảo luận trong vòng 5 phút → GV mời bất kì HS nào lên trình bày.+Sự ra đời nhà nước Văn Lang+Vẽ sơ đồ, nêu nhận xét về tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang+Sự ra đời nhà nước Âu Lạc+Điểm khác trong tổ chức bộ máy nhà nước Âu Lạc so với nhà nước Văn Lang+Trình bày đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang Âu Lạc- GV mời HS khác nhận xét → GV nhận xét và cho điểm.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV gọi HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **IV. Nhà nước Văn Lang Âu Lạc. Đời sống của người Việt thời kì Văn Lang, Âu Lạc**1.Nhà nước Văn Lang-Sự ra đời-Tổ chức nhà nước Văn Lang2. Nhà nước Âu Lạc3. Đời sống của người Việt thời kì Văn Lang, Âu Lạc-Đời sống vật chất-Đời sống tinh thần |

**3. Hoạt động luyện tập.**

**Khoanh tròn đáp án đúng nhất**

Câu 1: Nguồn tư liệu nào được xem là đáng tin cậy nhất khi tìm hiểu lịch sử?

A. Tư liệu truyền miệng

B. Tư liệu gốc

C. Tư liệu chữ viết

D. Tư liệu hiện vật

Câu 2: Dựa vào sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời, con người đã sáng tạo ra loại lịch nào?

A. Nông lịch.

B. Dương lịch.

C. Âm lịch.

D. Nhật lịch.

Câu 3: Người tối cổ xuất hiện khá sớm ở Đông Nam Á. Hóa thạch đầu tiên được tìm thấy ở đâu?

A. Ni-a (Ma- lay-xi-a)

B. Ta-bon (Phi-lip-pin)

C. Pôn- Đa-ung (Mi-an-ma)

D.Đảo Gia-va (In-đô-nê-xi-a)

Câu 4: Người tinh khôn xuất hiện vào khoảng thời gian nào?

A.Khoảng 1 triệu năm trước

B. Khoảng 500.000 năm trước

C. Khoảng 150.000 năm trước

D. Khoảng 50.000 năm trước

**Câu 5**: Một thế kỉ có bao nhiêu năm?

A. 100 năm

B. 1000 năm

C. 10 năm

D. 200 năm

Câu 6: Theo Công lịch, 1000 năm được gọi là một

A. thập kỉ.

B. thế kỉ.

C. thiên niên kỉ.

D. kỉ nguyên.

Câu 7 : Con người đã phát hiện và dùng kim loại để chế tạo công cụ vào khoảng thời gian nào?

A. Thiên niên kỉ thứ II TCN.

B. Thiên niên kỉ thứ III TCN.

C. Thiên niên kỉ thứ IV TCN.

D. Thiên niên kỉ thứ V TCN

Câu 8: Hệ thống đếm lấy số 60 làm cơ sở mà ngày nay chúng ta vẫn sử dụng là của quốc gia cổ đại nào?

A. Ai Cập

B. Lưỡng Hà

C. Trung Quốc

D. Ấn Độ

Câu 9: Các số từ 0 đến 9 là phát minh của người

A. Ai Cập

B. Lưỡng Hà

C. Ấn Độ

D. Trung Quốc

Câu 10: Ai là người thống nhất và đặt nền móng cho sự phát triển lâu dài của Trung Quốc?

A. Tần Thủy Hoàng

B. Tấn Vũ Đế

C. Tùy Văn Đế

D. Lưu Bang

Câu11 : Hệ thống chữ viết gồm 24 chữ cái là thành tựu của

A. Hy Lạp

B. La Mã

C. Ấn Độ

D. Trung Quốc

Câu12: Hệ thống luật của quốc gia nào được xem là tiến bộ nhất thời cổ đại?

A. Hy Lạp

B. La Mã

C. Ấn Độ

D. Trung Quốc

Câu13 : Nhà nước Văn Lang được thành lập thời gian nào? Đóng đô ở đâu?

A. Thế kỉ VII, ở Phong Châu (Việt Trì , Phú Thọ)

B. Thế kỉ VII TCN, ở Phong Châu (Việt Trì , Phú Thọ)

C. Năm 208, ở Phong Khê (Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội)

D. Năm 208 TCN, ở Phong Khê (Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội)

Câu 14: Phạm vi lãnh thổ của nhà nước Văn Lang, Âu Lạc thuộc khu vực nào của Việt Nam hiện nay?

A. Nam Trung Bộ.

B. Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

C. Nam Bộ.

D. Tây Nguyên và Đông Nam Bộ

Câu 15: Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng cơ sở ra đời của nhà nước Văn Lang?

A. Kinh tế phát triển, dẫn đến sự phân hóa xã hội.

B. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán.

C. Nhu cầu đoàn kết để làm thủy lợi, bảo vệ mùa màng.

D. Nhu cầu đoàn kết chống ngoại xâm, bảo vệ cuộc sống bình yên của cư dân.

Câu 16: Nước Văn Lang đựợc chia làm bao nhiêu bộ, đứng đầu mỗi bộ là ai?

A. 15 bộ, Lạc hầu.

B. 15 bộ, Lạc tướng.

C. 15 bộ, Bồ chính.

D. 15 bộ,Tể tướng

Câu 17: Năm 179 TCN, cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Triệu của nước Âu Lạc thất bại vì một trong những lý do nào sau đây?

A. Không được nhà Tần trợ giúp.

B. Không có lực lượng quân đội.

C. An Dương Vương chủ quan, mất cảnh giác.

D. Vua An Dương Vương sớm đầu hàng.

Câu 18: Công trình kiến trúc tiêu biểu của cư dân Âu Lạc là

A. thành Hoan Châu.

B. thành Cổ Loa.

C. thành Vạn An.

D. thành Đại La.

Câu 19: Phương tiện đi lại chủ yếu của của dân Văn Lang – Âu Lạc là

A. thuyền.

B. xe ngựa.

C. kiệu.

D. xe bò.

Câu 20: Nhà ở phổ biến của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là

A. nhà sàn.

B. nhà trệt.

C. nhà tranh vách đất.

D. nhà lợp ngói.

**-** HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

**4. Hoạt động vận dụng**

+ *Ở Việt Nam những di sản nào được công nhận là di sản văn hóa thế giới. Em làm gì để bảo vệ di sản đó?*

*+Những phong tục nào trong văn hóa Việt Nam hiện nay được kế thừa từ thời Văn Lang, Âu Lạc?*

**\*HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**1.Bài vừa học**

+Ôn tập theo đề cương

**2.Bài sắp học: KIỂM TRA HKI**